

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/KDTM-PT

Ngày: 25- 9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng kinh
doanh thương mại gia công hàng
may mặc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Phạm Thế Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại gia công hàng may mặc”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐ-PT ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần D

Địa chỉ trụ sở chính tại đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tiến L, trú tại đường D, phường Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 19/GUQ-DM7 ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn M

Địa chỉ trụ sở chính Lô G, khu công nghiệp H, phường K, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, trú tại số đường L, phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy

quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Tổng giám đốc Công ty).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị V – Văn phòng luật sư Phạm Thị Đ - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Công ty TNHH M - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Tiến L trình bày:

Ngày 15/01/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn D nay là Công ty cổ phần D và Công ty trách nhiệm hữu hạn M ký hợp đồng gia công may mặc số 03/16/MKV-DM7/16, theo đó Công ty D gia công cho Công ty M số lượng 11.200 áo jacket, quần nam nữ, tổng giá trị hợp đồng là 673.785.400đ (có hợp đồng chi tiết kèm theo). Ngày 22/02/2016 Công ty D và Công ty M ký hợp đồng gia công may mặc số 04/16/MKV-DM7/16, theo đó Công ty D may gia công cho Công ty M số lượng 10.000 áo jacket, mã hàng JK 01, tổng giá trị lô hàng là 290.290.000đ (có hợp đồng chi tiết kèm theo).

Thực hiện 02 hợp đồng trên, Công ty D đã gia công và giao thành phẩm cho Công ty M theo bảng kê hóa đơn giá trị gia tăng sau đây: Hóa đơn giá trị gia tăng số 3938 ngày 01/3/2016 số tiền 259.012.585đ; hóa đơn giá trị gia tăng số 4014 ngày 22/3/2016 số tiền 36.972.035đ; hóa đơn giá trị gia tăng số 3992 ngày 18/3/2016 số tiền 408.749.000đ; hóa đơn giá trị gia tăng số 4052 ngày 29/3/2016 số tiền 319.319.000đ. Tổng cộng 1.024.052.620đ.

Theo Điều VI của hợp đồng ký kết, Công ty M có nghĩa vụ thanh toán tiền gia công trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Công ty D giao thành phẩm và phát hành hóa đơn, tuy nhiên đến nay Công ty M không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, mặc dù Công ty D thường xuyên yêu cầu và Công ty M đã trả lời qua nhiều email hẹn ngày thanh toán, nhưng đến nay Công ty M vẫn không thanh toán hết nợ.

Ngày 09/6/2016 Công ty D có văn bản số 254/DM7-XNM về việc đòi nợ Công ty M; tại buổi làm việc ngày 16/6/2016 hai bên thống nhất Công ty M sẽ thanh toán cho Công ty D hóa đơn số 4052 và 3992 vào ngày 23/6/2016 và ngày 30/6/2016. Ngày 20/8/2016 Công ty M có công văn đề nghị giảm nợ số tiền 160.560.000đ với lý do chất lượng mã hàng CPBJKL 100 và CPBJKM 100 không đạt. Về vấn đề này phía Công ty D không đồng ý, vì căn cứ vào mục 5 điều III hợp đồng số 03/16/MKV-DM7/16 chất lượng hàng hóa do đại diện bên A (Công ty M) hoặc khách hàng bên A hướng dẫn, kiểm tra. Thực tế mã hàng

này công ty D đã giao cho Công ty M theo hóa đơn số 3938 ngày 01/3/2016 và hóa đơn số 4014 ngày 22/3/2016 Công ty M thanh toán ngày 04/6/2016.

Quá trình thanh toán của Công ty M như sau: ngày 04/6/2016 thanh toán hóa đơn số 3938 số tiền 259.012.585đ, ngày 04/4/2016 thanh toán hóa đơn số 4014 số tiền 36.972.035đ, ngày 24/6/2016 thanh toán hóa đơn số 4052 số tiền 319.319.000đ, ngày 12/7/2016 thanh toán hóa đơn số 3992 số tiền 148.189.000đ còn nợ lại 260.560.000đ.

Tính đến ngày 31/3/2017 Công ty M còn nợ Công ty D số tiền nợ gốc 260.560.000đ và lãi phát sinh do chậm thanh toán là 23.595.115đ. Nay Công ty Dyêu cầu Công ty M trả số tiền: nợ gốc 260.560.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 31/3/2017 là 23.595.115đ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

Công ty M có ký hợp đồng với Công ty D các hợp đồng: Hợp đồng số 03/16/MKV-DM7/16 và Hợp đồng số 04/16/MKV-DM7/16. Đối với hợp đồng số 04/16/MKV-DM7/16 Công ty M đã thanh toán và chấm dứt hợp đồng. Đối với hợp đồng số 03/16/MKV-DM7/16 thì có một số vấn đề xảy ra như sau: Đơn hàng CPBJICL100 và CPBJKM 100 trong khi sản xuất chất lượng sản phẩm không đạt để xuất hàng, nhưng thời gian xuất hàng đã hết, hai bên đã nhiều lần trao đổi qua điện thoại và gặp trực tiếp tại Văn phòng Công ty M chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên đã thống nhất cho xuất hàng, mặc dù chất lượng không đạt để tránh bị khách hàng phạt tiền do tiến độ chậm sản xuất, nhưng vẫn còn một số hàng còn sửa chữa bên bị đơn phải xuất hàng bằng máy bay. Sau đó hai bên đã có buổi làm việc trên tinh thần hợp tác và giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau vào ngày 16/6/2016 và đưa đến thống nhất trừ số tiền 7.200 USD (tương ứng với số tiền 160.560.000VNĐ) vào hóa đơn số 0003992 xác nhận qua email ngày 24/6/2016 lúc 9h34' từ địa chỉ email xxxx@yahoo.com của ông Hoàng Văn C. Sau đó Công ty M đã tiến hành thanh toán phần còn lại của hóa đơn đó. Để hoàn tất chứng từ kế toán, Công ty M đã nhiều lần gửi email yêu cầu xuất hóa đơn giảm trừ số tiền 7.200 USD (tương ứng với số tiền 160.560.000VNĐ). Tuy nhiên Công ty D đã không xuất hóa đơn giảm trừ hoặc chứng từ khác cho Công ty M, do vậy Công ty M đã tạm giữ số tiền 100.000.000đ chưa thanh toán hết cho Công ty D cho đến khi nhận được chứng từ phù hợp, vấn đề này đã được thông báo bằng email vào lúc 14h53' ngày 11/7/2016 và đã được nhắc lại đến lần thứ 5 qua email.

Đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn buộc Công ty M trả số tiền 284.155.115đ Công ty M không đồng ý. Công ty M yêu cầu phía nguyên đơn

xuất hóa đơn giảm trừ số tiền theo thỏa thuận Công ty M hoàn tất việc thanh toán số tiền còn lại là 100.000.000đ cho bên nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền 284.155.115đ gồm 260.560.000đ nợ gốc và 23.595.115đ tiền lãi.

Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải chịu 14.207.760đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 6.731.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0005539 ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 19 tháng 4 năm 2017 bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, công ty không chấp nhận thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền 7.200USD tương đương 160.560.000đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không xuất trình thêm chứng cứ có liên quan đến bộ chứng từ. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi là HĐXX) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không xuất trình thêm chứng cứ nào khác. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc do có nhiều nội dung liên quan đến tranh chấp chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm để xác minh làm rõ vai trò của ông Hoàng Văn C trong quan hệ đại diện giao dịch, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát và qua xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Vào năm 2016 giữa Công ty TNHH MTV D (nay là Công ty cổ phần D) và Công ty M có ký hợp đồng gia công hàng may mặc cụ thể như sau: Hợp đồng số 3/16/MKV-DM7/16 ngày 15/01/2016 và Hợp đồng số 4/16/MKV-DM7/16 ngày 22/02/2016. Theo đó Công ty D thực hiện việc gia công hàng may mặc theo đơn đặt hàng của Công ty M, việc thực hiện hợp đồng đối với tên hàng hóa, số lượng hàng, giá cả và tiến độ giao hàng được các bên quy định cụ thể trong hợp đồng, quá trình thực hiện các bên phát sinh tranh chấp, nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 284.155.115đ gồm 260.560.000đ nợ gốc và 23.595.115đ tiền lãi theo quy định tại Điều VI của Hợp đồng số 3/16/MKV-DM7/16 ngày 15/01/2016 và Hợp đồng số 4/16/MKV-DM7/16 ngày 22/02/2016. Phía bị đơn cho rằng đơn hàng CPBJICL100 và CPBJKM100 của Hợp đồng số 3/16/MKV-DM7/16 ngày 15/01/2016 gia công bị lỗi, chất lượng hàng không đạt nhưng do thời gian xuất hàng đã hết nên hai bên nhiều lần trao đổi qua điện thoại và gặp trực tiếp tại Văn phòng Công ty M chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên đã thống nhất cho xuất hàng, mặc dù chất lượng không đạt, để tránh bị khách hàng phạt tiền do tiến độ chậm sản xuất, nhưng vẫn còn một số hàng còn sửa chữa bên bị đơn phải xuất hàng bằng máy bay. Sau đó hai bên đã có buổi làm việc trên tinh thần hợp tác và giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau vào ngày 16/6/2016 và đưa đến thống nhất trừ số tiền 7.200USD (tương ứng với số tiền 160.560.000đ) vào hóa đơn số 0003992 xác nhận qua email ngày 24/6/2016 lúc 9h34p từ địa chỉ email xxxx@yahoo.com của ông Hoàng Văn C. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ căn cứ để giải quyết tranh chấp liên quan đến chất lượng gia công hàng hóa đối với 02 đơn hàng CPBJICL100 và CPBJKM100 của Hợp đồng số 3/16/MKV-DM7/16 ngày 15/01/2016 có gia công bị lỗi, chất lượng không đạt hay không, các căn cứ phải được xác định trên cơ sở các biên bản đối chứng về kiểm tra chất lượng hàng mẫu, quy cách phẩm chất, điều kiện kỹ thuật hàng thành phẩm hàng hóa và kiểm tra final (*từ ngữ trích dẫn theo hợp đồng*) do đại diện bên Công ty M hoặc đại diện khách hàng bên Công ty M lập và biên bản ký xác nhận của đại diện hai bên khi giao nhận thành phẩm đồng thời với bộ chứng từ thanh toán có liên quan đến biên bản thanh lý hợp đồng và có chữ ký xác nhận của các bên theo quy định tại Điều VI của hợp đồng.

Bên cạnh đó cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ việc giải quyết khiếu nại của các bên theo quy định tại Điều VII của hợp đồng và các chứng cứ có liên quan đến giao dịch điện tử của người đại diện hai công ty và vai trò của ông Hoàng Văn C có phải là người đại diện Công ty D hay không, các Email của ông C gửi cho đại diện của Công ty M là ông Nguyễn Công T với mục đích gì, ngoài các Email nói trên hai bên còn có hình thức trao đổi nào khác không để xác định ý chí của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Hơn nữa theo quy định tại Điều IX của hợp đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày phát sinh tranh chấp, nếu qua thương lượng mà không thỏa mãn được yêu cầu của các bên thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm do những nội dung liên quan đến vụ tranh chấp chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. HĐXX thấy rằng do các nội dung có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp chưa được cấp sơ thẩm thu thập làm rõ mà tại giai đoạn phúc thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do vậy cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự thủ tục chung.

Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được ấn định khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hủy bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0005817 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND TP.Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng